

Số: 636/2022/QĐST-HNGĐ

Quận 12, ngày 06 tháng 6 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 449/2022/TLST-HNGĐ ngày 18/4/2022 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Trần Thị H1, sinh năm 1987;

Thường trú: Thôn A, xã L, huyện T, tỉnh P.

Tạm trú: Nhà không số, đường T, tổ 10, khu phố 3, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Trần Mạnh H2, sinh năm 1995;

Thường trú: Thôn A, xã L, huyện T, tỉnh P.

Tạm trú: Nhà không số, đường T, tổ 10, khu phố 3, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Việc thuận tình và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 27 tháng 5 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị H1 và ông Trần Mạnh H2 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà H1 và ông H2 có 01 (một) con chung là Trần Hải N, sinh ngày 21/8/2015. Sau khi ly hôn, hai bên thỏa thuận thống nhất giao con chung cho bà H1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông H2 cho đến khi bà Hằng có yêu cầu.

- Về tài sản chung: Bà H1 và ông H2 tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Bà H1 và ông H2 không có nợ chung.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà Trần Thị H1 và ông Trần Mạnh H2 cùng chịu, được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí dân sự sơ thẩm mà bà H1, ông H2 đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0023181 ngày 18/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12. Bà Trần Thị H1 và ông Trần Mạnh H2 đã nộp xong lệ phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM.
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 12;
- Chi cục thi hành án dân sự Quận 12;
- UBND nơi cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lê Thị Xuân Mai